TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ M**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **1211/**2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2022
V/v Ly hôn giữa ông M và bà Nh

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê M Tường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Rỹ và bà Thái Thục Hiền.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Bùi Thị Mỹ Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Phan Xuân Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét sử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1006/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 380/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 284/2022/QĐXXST-HNGĐ-HPT ngày 09 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Đức M,** sinh năm 1988 (Có mặt);
Giấy chứng minh nhân dân số: 024868016;
Căn cước công dân số: 079088020630;
Địa chỉ thường trú/liên lạc: Số A Lô B đường C, Phường D, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;

- *Bị đơn:* Bà **Phan Thị Ánh Nh,** sinh năm 1992 (Vắng mặt);
Giấy chứng minh nhân dân số: 024967671;
Địa chỉ thường trú/liên lạc: Số K Lô L đường C, Phường D, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 27 tháng 10 năm 2020, ông Nguyễn Đức M (sau đây gọi tắt là ông M) có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân Quận 8 yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Phan Thị Ánh Nh (sau đây gọi tắt là bà Nh).

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông M khai:

- *Về việc quá trình kết hôn và chung sống:* Ông M và bà Nh cùng tự nguyện kết hôn, chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân Phường D, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 126 Quyển số: 01/2015 ngày 04 tháng 7 năm 2015.

- *Về con chung:* Ông M và bà Nh có 01 (Một) người con tên là Nguyễn Phan Bảo H, giới tính: Nam, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2015.

Về việc nuôi con: Ông M có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con tên là Nguyễn Phan Bảo H cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Nếu ông M được giao là người trực tiếp nuôi con thì ông không yêu cầu bà Nh phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Ông M và Nh không có tài sản chung, không tranh chấp, không yêu cần Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung:* Ông M và bà Nh không có khoản nợ nào chung và không phải thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông M khai về mâu thuẫn vợ chồng và yêu cầu khởi kiện ly hôn:

Cuộc sống chung vợ chồng giữa ông và bà Nh có hạnh phúc được một thời gian ngắn, vào cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do cuộc sống chung vợ chồng không được hòa thuận; tính tình, quan điểm sống và cách sống khác nhau; vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và thường xuyên gây gỗ, tranh cãi với nhau, làm tổn thương nhau, còn làm ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con; vợ chồng đã nhiều lần tự hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, không giải quyết được mâu thuẫn; mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, ông M và bà Nh đã ly thân nhau từ năm từ cuối năm 2016; từ đầu năm 2017 đến nay thì ông và bà Nh không còn sống chung với nhau nữa. Năm 2019, ông M đã 01 lần nộp đơn ly hôn với bà Nh tại Tòa án nhân dân Quận 8, Tòa án hòa giải đoàn tụ và ông M đồng ý rút đơn khởi kiện để vợ chồng có thời gian suy nghĩ lại việc ly hôn và cho nhau cơ hội thay đổi, Tòa án nhân dân Quận 8 đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số: 871/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019; vợ chồng trở về đoàn tụ nhưng cuộc sống chung không được cải thiện mà mâu thuẫn vợ chồng xảy ra ngày càng nhiều hơn, vợ chồng không sống chung, thiếu tình cảm, không có trách nhiệm chung, không quan tâm đến nhau, tự ai nấy sống; cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài đã hơn 06 năm. Nay ông M nhận thấy tình cảm của ông với bà Nh không còn nữa nên ông tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nh không đến Tòa án làm việc để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông M, trình bày yêu cầu phản tố (nếu có), cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà Nh.

Theo quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, khi giải quyết vụ án ly hôn có yêu cầu nuôi con mà con chưa thành niên đủ 7 tuổi trở lên thì Tòa án phải xem xét nguyên vọng của con; Tòa án đã ghi nhận ý kiến của cháu Nguyễn Phan Bảo H và được biết nguyên vọng của cháu muốn được chung sống cùng với cha.

Tại phiên tòa:

Ông M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với bà Nh, ông M yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nh vì tình cảm của ông đối với bà Nh không còn nữa, vợ chồng không sống chung, thiếu tình cảm, không có trách nhiệm chung, không quan tâm đến nhau, đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Ông M xác nhận và cam đoan là giữa ông và bà Nh có 01 (Một) người con tên là Nguyễn Phan Bảo H; ông M có yêu cầu được trực tiếp nuôi con, nếu được giao là người trực tiếp nuôi con thì ông M không yêu cầu bà Nh cấp dưỡng nuôi con; ông M xác nhận và cam đoan là giữa ông và bà Nh không có tài sản chung, không có khoản nợ nào chung, không phải thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai, không tranh chấp; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung.

Bị đơn là bà Nh vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử không ghi nhận đươc ý kiến của bị đơn.

Về việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa*:* Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng dân sự gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn (bà Nh) theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Nhng bị đơn (bà Nh) vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử đã công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: Tòa án nhân dân Quận 8 thụ lý giải quyết vụ án sơ thẩm đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, 35, 36 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "Ly hôn" đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; việc xác định tư cách người tham gia tố tụng của đương sự đúng quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; việc xác M, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đảm bảo đúng quy định tại các Điều 93, 94, 95, 96, 97 và 98 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trình tự thủ tục khởi kiện và thụ lý vụ án đảm bảo đúng quy định tại các Điều 195, 196, 197 và 198 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thủ tục hòa giải đảm bảo đúng quy định tại các Điều 205, 206, 207, 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định tại các Điều 170, 171, 172, 173, 174, 175, 177 và 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự, thủ tục tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự luật định (đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 239, 240, 241, 243, 247, 248, 249, 250, 254, 258, 260, 261 và 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc Hội đồng xét xử tiến hành việc xét xử vắng mặt bị đơn sau khi đã tống đạt các văn bản tố tụng dân sự hợp lệ cho bị đơn là đúng thủ tục tố tụng theo quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố Tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71 và 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại các Điều 70, 72, 199, 200 và 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai và trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa và căn cứ vào khoản 1 Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo hướng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn:

- *Về quan hệ tranh chấp:* Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định đây là vụ án dân sự về Hôn nhân và Gia đình tranh chấp "Ly hôn".

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn có đăng ký thường trú và cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn:* Trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án này, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ cho bị đơn là bà Nh các văn bản tố tụng dân sự gồm có: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa tại nơi cư trú của bà Nh theo đúng quy định tại các Điều 177, 179,196, 208, khoản 2 Điều 220 và khoản 3 Điều 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn là bà Nh vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không rõ lý do.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông M và bà Nh chung sống vợ chồng từ năm 2015 và có đăng ký kết hôn đúng quy định nên hôn nhân của họ là hợp pháp.

Ông M và bà Nh sống chung với nhau đến khoảng cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài cho đến nay, ông M cũng đã 01 lần nộp đơn ly hôn với bà Nh vào năm 2019. Cuộc sống hôn nhân giữa ông M và bà Nh không có hạnh phúc, thiếu tình cảm, không sống chung, không quan tâm đến nhau, ông M không còn tình cảm với bà Nh. Mặt khác bà Nh đã không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện "Ly hôn" của ông M; không đến Tòa án để cung cấp tài liệu, chứng cứ và tham gia hòa giải, không đến Tòa án tham gia phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án; Như vậy bà Nh đã không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với ông M.

Xét thấy hôn nhân của ông M và bà Nh đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông M, cho ly hôn giữa ông M và bà Nh căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- *Về con chung:* Ông M xác nhận và cam đoan là giữa ông và bà Nh có 01 (Một) người con tên là Nguyễn Phan Bảo H, giới tính: Nam, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2015; bà Nh không đến Tòa án để làm việc và giải quyết vụ án, nên không rõ ý kiến kiến của bà Nh về con chung.

Về việc nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông M xác nhận người con tên là Nguyễn Phan Bảo H hiện nay đang sinh sống cùng với ông và do ông trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), nếu được giao nuôi con thì ông không yêu cầu bà Nh phải cấp dưỡng nuôi con; nguyện vọng xin được nuôi con của ông M là chính đáng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận giao người con tên là Nguyễn Phan Bảo H cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông M được quyền nuôi con và không yêu cầu bà Nh cấp dưỡng nuôi con, nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với bà Nh cho đến khi ông M có yêu cầu.

- *Về tài sản chung:* Ông M xác nhận và cam đoan là giữa ông và bà Nh không có tài sản chung, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung:* Ông M xác nhận và cam đoan là giữa ông và bà Nh không có khoản nợ nào chung và không phải thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bị đơn là bà Nh đã không đến Tòa án để cung cấp chứng cứ, trình bày ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án thì coi như là bà Nh đã từ bỏ quyền được cung cấp chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp sơ thẩm.

[3] Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đã trình bày tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án.

[4] Về án phí: Ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; khoản 4 Điều 147; các Điều 227, 228, 232, 233, 235, 264, 266, 267, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức M.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Đức M và bà Phan Thị Ánh Nh.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 126 Quyển số: 01/2015 ngày 04 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân Phường D, Quận 8, Thành phố Hồ Chí M cấp không còn giá trị pháp lý khi bản án này có hiệu lực pháp luật.

- *Về con chung:* Giao người con tên là Nguyễn Phan Bảo H, giới tính: Nam, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2015 cho ông Nguyễn Đức M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với bà Phan Thị Ánh Nh cho đến khi ông Nguyễn Đức M có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Ông Nguyễn Đức M xác nhận và cam đoan là giữa ông và bà Phan Thị Ánh Nh không có tài sản chung, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung:* Ông Nguyễn Đức M xác nhận và cam đoan là giữa ông và bà Phan Thị Ánh Nh không có khoản nợ nào chung và không phải thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Đức M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước; được trừ vào số tiền mà ông Nguyễn Đức M đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/ **0044548** ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Đức M đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo và việc thi hành bản án:

Án xử công khai, nguyên đơn là ông Nguyễn Đức M có mặt tại phiên tòa, bị đơn là bà Phan Thị Ánh Nh vắng mặt không rõ lý do.

Nguyên đơn là ông Nguyễn Đức M có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Bị đơn là bà Phan Thị Ánh Nh có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết (kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ), lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 8;
- Tòa án nhân dân Tp.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8;
- Lưu Văn phòng và Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê M Tường